

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 19/8/2021

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Quý, ông Điều Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ vụ án dân sự thụ lý số 16/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa:

*- **Nguyên đơn:*** Cụ Trần Thị N, sinh năm 1947, (có mặt), địa chỉ: Khu phố Đ, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

*- **Bị đơn:***

1/ Bà Vũ Thị Lệ T, sinh năm 1968, (vắng mặt);

2/ Bà Vũ Thị Tuyết V, sinh năm 1974, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 4A/1 đường 20, phường L, t. Tp. Hồ Chí Minh

3/ Bà Vũ Thị Tuyết A, sinh năm 1987, (vắng mặt), địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

*- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Vũ Hoàng T, sinh năm 1966, (vắng mặt);

2/ Ông Vũ Hoàng C, sinh năm 1969, (có mặt);

3/ Ông Vũ Ái Q, sinh năm 1976, (có mặt);

4/ Bà Vũ Thị Tuyết S, sinh năm 1979, (vắng mặt);

5/ Ông Vũ Văn L, sinh năm 1984, (có mặt);

6/ Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1985, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

7/ Ông Vũ Đức Ng, sinh năm 1971 (Đã chết năm 2020)

Người thừa kế theo pháp luật: Bà Tạ Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt), anh Vũ Đức Msinh năm 1997 (vắng mặt), anh Vũ Huy H, sinh năm 1998 (vắng mặt), chị Vũ Thị Bích Ng, sinh năm 2002 (vắng mặt) và Cụ Trần Thị N. Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường L, TX P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2020 cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn: Cụ Trần Thị N trình bày:*

Cụ Trần Thị N và cụ Vũ Q(sau đây gọi là Cụ N, cụ Q) kết hôn vào ngày 15/11/1971 tại UBND xã Tân Sơn Nhì, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định (cũ) nay là thành phố Hồ Chí Minh. Cụ N và cụ Q có 10 người con chung là: Vũ Hoàng T, sinh năm 1966; Vũ Hoàng C, sinh năm 1969; Vũ Ái Q, sinh năm 1976; Vũ Thị Tuyết S, sinh năm 1979; Vũ Văn L, sinh năm 1984, Vũ Thị Th, sinh năm 1985, Vũ Đức Ng, sinh năm 1971 (đã chết ngày 15/7/2020), Vũ Thị Lệ T, sinh năm 1968, Vũ Thị Tuyết V, sinh năm 1969 và Vũ Thị Tuyết A, sinh năm 1987. Cha mẹ đẻ của cụ Vũ Q đã chết từ rất lâu Cụ N không nhớ được, vợ chồng Cụ N, cụ Q không có con nuôi, không có cha mẹ nuôi.

Trong quá trình chung sống Cụ N và cụ Q có tạo dựng được tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 197,5m² đất, thửa số 187, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Khu phố Đ, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, do UBND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 086183, sổ vào sổ cấp GCN H00612/ĐS ngày 25/01/2011 cho bà Trần Thị Nếp và ông Vũ Quyết. Tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do hai vợ chồng Cụ N và cụ Q xây dựng vào năm 1987, diện tích 65m²; 01 mái hiên vòm sắt, nền xi măng, diện tích 23m²; 01 giếng đào năm 1987.

Ngày 09/6/2019 cụ Vũ Q chết không để lại di chúc, di sản cụ Vũ Q để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị của tài sản chung nêu trên, cụ Q không có nợ ai và không có ai nợ cụ khi còn sống. Nay Cụ N có nguyện vọng được toàn quyền sử hữu, định đoạt, sử dụng tài sản nêu trên, các con nào muốn được chia tiền thì Cụ N sẽ trả bằng tiền. Ông Vũ Hoàng T, ông Vũ Hoàng C, ông Vũ Ái Q, bà Vũ Thị Tuyết S, ông Vũ Văn L, bà Vũ Thị Th và các hàng thừa kế của ông Vũ Đức Ng đồng ý tặng cho Cụ N phần di sản thừa kế của cụ Vũ Q để lại và không có ý kiến gì. Còn bà Vũ Thị Thủy, bà Vũ Thị Tuyết A và bà Vũ Thị Tuyết V không đồng ý tặng cho Cụ N, yêu cầu không chia di sản của cụ Q mà để làm nơi thờ cúng.

Nay Cụ N yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Vũ Q để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đối với $\frac{1}{2}$ tài sản chung của Cụ Trần Thị N và cụ Vũ Quyết. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 21/01/202, tổng trị giá tài sản chung là 1.026.175.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Như vậy, di sản tranh chấp có trị giá là $1.026.175.000 \text{ đồng} / 2 = 513.087.500 \text{ đồng}$.

Yêu cầu Tòa án tuyên giao cho Cụ N được nhận toàn bộ hiện vật là di sản của cụ Q để sở hữu, định đoạt, sử dụng. Cụ N đồng ý trả cho các bị đơn là bà Vũ Thị Lệ T, bà Vũ Thị Tuyết A và bà Vũ Thị Tuyết V theo giá trị của các tài sản được định giá của hội đồng định giá đưa ra theo quy định của pháp luật.

Cụ N đồng ý nhận các kỷ phần của: Ông Vũ Hoàng T, ông Vũ Hoàng C, ông Vũ Ái Q, bà Vũ Thị Tuyết S, ông Vũ Văn L, bà Vũ Thị Th và thừa kế thế vị của ông Vũ Đức Ng là bà Tạ Thị H, anh Vũ Đức M, anh Vũ Huy H, chị Vũ Thị Bích Ng, do các đồng thừa kế này không có yêu cầu nhận và cho tặng lại toàn bộ phần thừa kế của mình cho Cụ N.

** Lời trình bày của các bị đơn:*

Tại phiên tòa các bị đơn bà Vũ Thị Lệ T, bà Vũ Thị Tuyết V, bà Vũ Thị Tuyết A (sau đây gọi là bà Thủy, bà Vân, bà Anh) cùng vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn cùng thống nhất trình bày:

Bà Thủy, bà Vân và bà Anh là con đẻ của cụ Vũ Q và Cụ Trần Thị N, Cụ N và cụ Q có 10 người con chung như nguyên đơn trình bày. Cụ Q chết ngày 09/6/2019 không để lại di chúc, di sản cụ Vũ Q để lại là $\frac{1}{2}$ tài sản chung nguyên đơn nêu trên. Hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Q gồm có: Cụ Trần Thị N và 10 người con chung là: Vũ Hoàng T; Vũ Hoàng C; Vũ Ái Q; Vũ Thị Tuyết S; Vũ Văn L; Vũ Thị Th; Vũ Đức Ng (đã chết ngày 15/7/2020); Vũ Thị Lệ T; Vũ Thị Tuyết V và Vũ Thị Tuyết A.

Nay Cụ N yêu cầu được sở hữu, sử dụng, định đoạt toàn bộ di sản trên thì bà Thủy, bà Vân, bà Anh không đồng ý chia mà muốn giữ lại để làm nhà thờ cúng tổ tiên, lấy chỗ cho con cháu đi về, nếu Cụ N không đồng ý thì bà Thủy, bà Vân, bà Anh đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Các bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Hoàng C, ông Vũ Ái Q và ông Vũ Văn L (sau đây gọi là ông Chủ, ông Quốc và ông Long) cùng có mặt tại phiên tòa và thừa nhận phần trình bày của nguyên đơn và các bị đơn là đúng về hàng thừa kế, di sản thừa kế. Nay Cụ N yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông Chủ, ông Quốc và ông Long đồng ý với yêu cầu của Cụ N. Phần di sản của cụ Q được chia, ông Chủ, ông Quốc và ông Long không nhận mà cho mẹ là Cụ N. Ông Chủ, ông Quốc và ông Long không đồng ý với yêu cầu của các bị đơn về việc để lại di sản làm nơi thờ cúng, vì phải đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của Cụ N hiện nay. Ông Chủ, ông Quốc và ông Long sẽ hợp bàn với anh chị em trong nhà góp tiền cho Cụ N trả cho các bị đơn để Cụ N được toàn quyền đứng tên sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản trên.

- Ông Vũ Hoàng T, bà Vũ Thị Tuyết S và bà Vũ Thị Th (sau đây gọi là ông Thắng, bà Sương, bà Thúy) cùng vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Thắng, bà Sương, bà Thúy cùng thống nhất trình bày: Ông Thắng, bà Sương, bà Thúy là con đẻ của cụ Vũ Q và Cụ Trần Thị N, Cụ N và cụ Q có 10 người con chung như nguyên đơn trình bày. Cụ Q chết ngày 09/6/2019 không để lại di chúc, di sản cụ Vũ Q để lại là $\frac{1}{2}$ tài sản chung nguyên đơn nêu trên. Hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Q gồm có: Cụ Trần Thị N và 10 người con chung là: Vũ Hoàng T; Vũ Hoàng C; Vũ Ái Q; Vũ Thị Tuyết S; Vũ Văn L; Vũ Thị Th; Vũ Đức Ng (đã chết ngày 15/7/2020); Vũ Thị Lệ T; Vũ Thị Tuyết V và Vũ Thị Tuyết A. Ông Thắng, bà Sương, bà Thúy đồng ý với yêu cầu của Cụ N. Phần di sản của cụ Q được chia, ông Thắng, bà Sương và bà Thúy không nhận mà cho mẹ là Cụ N. Ông Thắng, bà Sương và bà Thúy không đồng ý với yêu cầu của các bị đơn về việc để lại di sản làm nơi thờ cúng.

- Ông Vũ Đức Ng (đã chết ngày 15/7/2020). Người thừa kế theo pháp luật của ông Vũ Đức Ng là: Bà Tạ Thị H, anh Vũ Đức M, anh Vũ Huy H, chị Vũ Thị Bích Ng và Cụ Trần Thị N cùng thống nhất trình bày:

Bà Hiền là vợ của ông Vũ Đức Ng, còn anh Mạnh, anh Hoàng và chị Ngọc là con đẻ của ông Vũ Đức Ng với bà Hiền. Ông Nghĩa là con đẻ của cụ Vũ Q và Cụ Trần Thị N. Cụ Vũ Q chết ngày 09/6/2019 không để lại di chúc, đến ngày 15/7/2020 ông Vũ Đức Ng chết cũng không để lại di chúc. Ông Nghĩa chỉ còn lại Cụ N là mẹ đẻ, ngoài ra không có con nuôi hay cha mẹ nuôi.

Hàng thừa kế của ông Vũ Đức Ng gồm có: Bà Tạ Thị H, anh Vũ Đức M, anh Vũ Huy H, chị Vũ Thị Bích Ng và Cụ Trần Thị N. Ông Nghĩa được hưởng thừa kế của cụ Q, nay phần thừa kế này bà Hiền, anh Mạnh, anh Hoàng và chị Ngọc cùng thống nhất nhường lại phần di sản được hưởng cho nguyên đơn là Cụ N và cùng có đơn xin giải quyết vắng mặt.

** Nội dung các bên thống nhất không cần phải chứng minh:*

Cụ Vũ Q khi chết ngày 09/6/2019 không để lại di chúc, ông Vũ Đức Ng chết ngày 15/7/2020 cũng không để lại di chúc. Di sản cụ Q chết để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 187, tờ bản đồ số 9, diện tích 197,5m², đất tọa lạc tại Khu phố Đ, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, do UBND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 086183, sổ vào sổ cấp GCN H00612/ĐS ngày 25/01/2011 cho bà Trần Thị Nếp và ông Vũ Quyết. Tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do hai vợ chồng Cụ N và cụ Q xây dựng vào năm 1987, diện tích 65m²; 01 mái hiên vòm sắt, nền xi măng, diện tích 23m²; 01 giếng đào năm 1987.

Hàng thừa kế của cụ Vũ Q theo quy định của pháp luật gồm có: Cụ Trần Thị N và 10 người con chung là: Vũ Hoàng T; Vũ Hoàng C; Vũ Ái Q; Vũ Thị Tuyết S; Vũ Văn L; Vũ Thị Th; Vũ Đức Ng (đã chết ngày 15/7/2020); Vũ Thị Lệ T; Vũ Thị Tuyết V và Vũ Thị Tuyết A.

Hàng thừa kế của ông Vũ Đức Ng gồm có: Bà Tạ Thị H, anh Vũ Đức M, anh Vũ Huy H, chị Vũ Thị Bích Ng và Cụ Trần Thị N.

** Nội dung các bên tranh chấp cần phải chứng minh:*

Các bên đương sự không thể tự thỏa thuận với nhau được về trị giá tài sản tranh chấp, không tự chia di sản thừa kế của cụ Vũ Quyết.

** Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án:*

- 1- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- 2- Giấy chứng nhận kết hôn;
- 3- Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản;
- 4- Biên bản làm việc; Biên bản xác minh;
- 6- Lời khai của các đương sự và người tham gia tố tụng khác;
- 7- Trích lục khai tử;
- 8- Biên bản hòa giải tại UBND phường Long Phước

** Căn cứ pháp lý:*

- Bộ luật tố tụng dân sự;
- Bộ luật dân sự năm 2015;
- [Luật Hôn nhân và gia đình](#) năm 2014;
- Luật đất đai năm 2013;

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long:*

- Về tố tụng: Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin vắng mặt, nên áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định đối với: Bà Vũ Thị Lệ T, bà Vũ Thị Tuyết V và bà Vũ Thị Tuyết A; Ông Vũ Hoàng T, bà Vũ Thị Tuyết S, bà Vũ Thị Th, bà Tạ Thị H, anh Vũ Đức M, anh Vũ Huy H và chị Vũ Thị Bích Ng. Do các bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có đơn xin giải quyết vắng mặt;

[2] Cụ Trần Thị N và cụ Vũ Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1971 tại UBND xã Tân Sơn Nhì, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định (cũ) nay là thành phố Hồ Chí Minh. Cụ N và cụ Q có 10 người con chung là: Vũ Hoàng T, sinh năm 1966; Vũ Hoàng C, sinh năm 1969; Vũ Ái Q, sinh năm 1976; Vũ Thị Tuyết S, sinh năm 1979; Vũ Văn L, sinh năm 1984, Vũ Thị Th, sinh năm 1985, Vũ Đức Ng, sinh năm 1971 (đã chết ngày 15/7/2020), Vũ Thị Lệ T, sinh năm 1968, Vũ Thị Tuyết V, sinh năm 1969 và Vũ Thị Tuyết A, sinh năm 1987.

Ông Vũ Đức Ng và bà Tạ Thị H, sinh năm 1978 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 1998 tại UBND thị trấn Phước Bình, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước. Ông Nghĩa và bà Hiền có 03 người con chung là anh Vũ Đức M sinh năm 1997, anh Vũ Huy H, sinh năm 1998, chị Vũ Thị Bích Ng, sinh năm 2002.

[3] Vợ chồng Cụ Trần Thị N, cụ Vũ Q tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng diện tích 197,5m² đất, thửa số 187, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Khu phố Đ, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, do UBND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 086183, sổ vào sổ cấp GCN H00612/ĐS ngày 25/01/2011 cho bà Trần Thị Nếp và ông Vũ Quyết. Tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do hai vợ chồng Cụ N và cụ Q xây dựng vào năm 1987, diện tích 65m²; 01 mái hiên vòm sắt, nền xi măng, diện tích 23m²; 01 giếng đào năm 1987.

Ngày 09/6/2019 cụ Vũ Q chết không để lại di chúc, Cụ N quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản trên. Nay Cụ N yêu cầu chia tài sản chung của cụ và chia di sản thừa kế của cụ Q để lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 21/01/2021, Hội đồng định giá xác định toàn bộ tài sản gồm: Diện tích 197,5m² đất, thửa số 187, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Khu phố Đ, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 086183, sổ vào sổ cấp GCN H00612/ĐS ngày 25/01/2011 và tài sản trên đất có giá là 1.026.175.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về hàng thừa kế theo pháp luật

Căn cứ vào Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, như vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q có 11 người gồm: Vợ là Cụ N và 10 người con là Vũ Hoàng T; Vũ Hoàng C; Vũ Ái Q; Vũ Thị Tuyết S; Vũ Văn L; Vũ Thị Th; Vũ Đức Ng (đã chết ngày 15/7/2020); Vũ Thị Lệ T; Vũ Thị Tuyết V và Vũ Thị Tuyết A.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Đức Ng chết ngày 15/7/2020 (chết sau cụ Q), phần di sản của ông Nghĩa được hưởng từ di sản của cụ Q được chuyển tiếp cho 05 người gồm: Cụ N là mẹ đẻ và vợ con của ông Nghĩa là bà Tạ Thị H, anh Vũ Đức M, anh Vũ Huy H, chị Vũ Thị Bích Ng được hưởng.

[5] Chia thừa kế theo pháp luật cụ thể như sau:

Tổng trị giá tài sản chung của Cụ N và cụ Q là: 1.026.175.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Di sản thừa kế của cụ Q là: $1.026.175.000đ / 2 = 513.087.500đ$ (Năm trăm mười ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Do di sản không thể chia được bằng hiện vật, nên Hội đồng xét xử chia theo trị giá di sản thừa kế.

Chia thừa kế theo từng kỷ phần được: $513.087.500đ / 11 = 46.644.318đ$ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm mười tám đồng).

Như vậy, Cụ N được nhận tổng cộng 08 phần gồm 01 kỷ phần của Cụ N và 07 kỷ phần của ông Vũ Hoàng T, ông Vũ Hoàng C, ông Vũ Ái Q, bà Vũ Thị Tuyết S, ông Vũ Văn L, bà Vũ Thị Th và các thừa kế của ông Vũ Đức Ng là bà Tạ Thị H, anh Vũ Đức M, anh Vũ Huy H, chị Vũ Thị Bích Ng cho tặng. Thành tiền là $46.644.318đ \times 8 = 373.154.545đ$ (Ba trăm bảy mươi ba triệu một trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng);

[6] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Nguyên đơn Cụ N yêu cầu được nhận toàn bộ phần di sản của cụ Q để sở hữu, định đoạt, sử dụng. Cụ N đồng ý trả cho các bị đơn là bà Vũ Thị Lệ T, bà Vũ Thị Tuyết A và bà Vũ Thị Tuyết V theo giá trị của các tài sản được định giá của Hội đồng định giá là có căn cứ theo quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ông Vũ Hoàng T, ông Vũ Hoàng C, ông Vũ Ái Q, bà Vũ Thị Tuyết S, ông Vũ Văn L, bà Vũ Thị Th và hàng thừa kế của ông Vũ Đức Ng là bà Tạ Thị H, anh Vũ Đức M, anh Vũ Huy H, chị Vũ Thị Bích Ng cùng thống nhất cho tặng lại toàn bộ phần thừa kế của mình cho Cụ N. Đây là sự tự nguyện của các đương sự và Cụ N đồng ý nhận phần di sản được tặng cho, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Các bị đơn bà Vũ Thị Lệ T, bà Vũ Thị Tuyết V và bà Vũ Thị Tuyết A cùng thống nhất muốn giữ lại di sản thừa kế của cụ Q để làm nhà thờ cúng tổ tiên, lấy chỗ cho con cháu đi về. Yêu cầu này của các bị đơn không được Cụ N và các đồng thừa kế khác đồng ý, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng các quy định về chia thừa kế theo pháp luật.

Các Bị đơn không có yêu cầu phản tố và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cần tuyên giao: Cụ Trần Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 197,5m², thửa số 187, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Khu phố Đ, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, do UBND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 086183, sổ vào sổ cấp GCN H00612/ĐS ngày 25/01/2011 cho bà Trần Thị Nếp và ông Vũ Quyết. Tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng vào năm 1987, diện tích 65m²; 01 mái hiên vòm sắt, nền xi măng, diện tích 23m² và 01 giếng đào năm 1987.

Cụ N có nghĩa vụ thanh toán lại cho các bị đơn bà Vũ Thị Lệ T, bà Vũ Thị Tuyết V và bà Vũ Thị Tuyết A mỗi người số tiền 46.644.318đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm mười tám đồng).

[7] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm

Do nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí, nên không buộc nguyên đơn phải chịu án phí. Không xử lý đối với tiền tạm ứng án phí do Nguyên đơn đã được miễn.

Các bị đơn bà Vũ Thị Lệ T, bà Vũ Thị Tuyết V và bà Vũ Thị Tuyết A phải chịu án phí theo phân trị giá tài sản được chia thừa kế.

[9] Về chi phí tố tụng khác

Đối với tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn đã nộp. Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị tự nguyện chịu, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 99 và khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 33 [Luật Hôn nhân và gia đình](#) năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cụ Trần Thị N.

1/ Cụ Trần Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 187, tờ bản đồ số 9, diện tích 197,5m², đất tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, do UBND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 086183, số vào sổ cấp GCN H00612/ĐS ngày 25/01/2011 cho bà Trần Thị Nếp và ông Vũ Quyết.

Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1987, diện tích 65m²; 01 mái hiên vòm sắt, nền xi măng, diện tích 23m² và 01 giếng đào năm 1987.

Đất có các cạnh: Phía Đông giáp thửa 188; Phía Tây giáp thửa 186; Phía Nam giáp đường Phê-Rô Dũng và Phía Bắc giáp thửa 186.

Cụ Trần Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/ Cụ Trần Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho các Bị đơn Vũ Thị Lệ T, Vũ Thị Tuyết A và Vũ Thị Tuyết V mỗi người 46.644.318đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Cụ Trần Thị N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Không xử lý đối với tiền tạm ứng án phí do Nguyên đơn đã được miễn.

- Các Bị đơn Vũ Thị Lệ T, Vũ Thị Tuyết A và Vũ Thị Tuyết V mỗi người phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo phân di sản được chia là 2.332.216đ (Hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn hai trăm mười sáu đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải nộp tiền án phí.

4/ Về chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn Cụ Trần Thị N tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN PHÁN